| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG HỒ**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày: 14/6/2024
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mai Ka

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Tuyết Nga

Ông Trần Văn Kiệt

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2024 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2024/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Hữu T**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường A, khóm E, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim S**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Hữu T trình bày*:

Do quen biết nên anh T có cho chị Nguyễn Thị Kim S vay số tiền 60.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận vay ngày 02/3/2023 được ký tại Văn phòng C, thời hạn vay là 01 tháng được tính từ ngày 02/3/2023 đến ngày 02/4/2023, do chị S chỉ vay trong 01 tháng và là chỗ quen biết nên anh T không có thỏa thuận lãi suất với

chị S. Đến hạn trả tiền thì chị S vẫn không trả tiền gốc và lãi cho anh T, anh T đã nhiều lần yêu cầu chị S trả nợ nhưng chị S vẫn cố tình trốn tránh, trì hoãn trả tiền cho anh.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Kim S phải trả cho anh T số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 02/3/2023 đến ngày 02/3/2024 số tiền là 12.000.000 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi chị S phải trả cho anh T số tiền nợ 72.000.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 03/3/2024 đến khi chị S thanh toán xong nợ.

*- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim S đã được Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Hữu T trình bày: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị S có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 03/4/2023 đến ngày 14/6/2024 số tiền là 7.154.600 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi chị S phải trả cho anh là 67.154.600 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 15/6/2024 đến khi chị S thanh toán xong nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim S vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 205; Điều 92, 147, 244 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu T: Buộc chị Nguyễn Thị Kim S có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 7.154.600 đồng, tổng cộng là 67.154.600 đồng (làm tròn là 67.154.000 đồng)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu số tiền 3.357.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về thủ tục*:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn chị Nguyễn Thị Kim S cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án

nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim S đã được Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[2] Về nội dung*:

*[2.1] Xét yêu cầu của anh Lê Hữu T yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim S trả cho anh T số tiền vay là 60.000.000 đồng:*

Anh T có cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà là Hợp đồng vay tiền ngày 02/3/2023 được lập tại Văn phòng C được công chứng chứng thực, có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Kim S. Từ đó xác định việc chị S có vay của anh T số tiền 60.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế. Tại thời điểm xác lập biên nhận chị S có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Như vậy giữa chị S và anh T có xác lập với nhau giao dịch dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như có văn bản ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, những chứng cứ do Tòa án thu thập được. Như vậy chị S đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ Luật tố tụng dân sự, đây cũng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự, cho thấy chị S từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó việc anh T khởi kiện yêu cầu chị S phải trả cho anh T số tiền 60.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

*[2.2] Về lãi suất:* Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy số tiền lãi suất chị S phải trả cho anh T tính từ ngày 03/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/6/2024 là: (60.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 14 tháng + (60.000.000 đồng x , 0,0276%/ngày) x 11 ngày = 7.154.600 đồng

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị S phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ gốc và lãi là 67.154.600 đồng (trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi 7.154.600 đồng)

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên chị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.357.730 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hữu T.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Kim S có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hữu T số tiền vay là 67.154.600 đồng (trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi 7.154.600 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim S phải nộp 3.357.730 đồng (Ba triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**Ngô Thị Mai Ka**